TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án: 508/2022/DS-PT
Ngày 02 - 8 -2022
V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung

Bà Trần Thị Thúy Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh* tham gia phiên tòa**: Bà Phan Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 tháng 7 và ngày 02 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 89/2022/TLPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2022 về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất; Yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 836/2022/QĐ-PT ngày 16 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Võ Minh Đ - sinh năm 1946 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn 3, xã P, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Ông Võ Minh H - sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn M, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt lúc xét xử, vắng mặt lúc tuyên án).

2. Bị đơn: Bà Trương Thị Bạch Y - sinh năm 1980. Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị Bạch Y: ông Lê Quang V - luật sư thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1: Những người thừa kế của ông Võ Minh A:

3.1.1. Bà Nguyễn Thị T - sinh năm 1948 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.1.2. Ông Võ Minh T - sinh năm 1969 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.1.3. Bà Võ Thị Bích P - sinh năm 1970 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.1.4. Ông Võ Minh H - sinh năm 1972 (có mặt lúc xét xử, vắng mặt lúc tuyên án).

3.1.5. Ông Võ Minh H1 - sinh năm 1974 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.1.6. Ông Võ Minh V - sinh năm 1977 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.1.7. Ông Võ Minh P - sinh năm 1980 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.1.8. Bà Võ Thị Bích T - sinh năm 1983 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.1.9. Bà Võ Thị Bích L - sinh năm 1985 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn M 1, xã T, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.2. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Trương Thị P:

3.2.1. Ông Phạm H - sinh năm 1971 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.2. 2. Bà Phạm Thị Đ - sinh năm 1973 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.2.3. Ông Phạm T - sinh năm 1975 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.2.4. Bà Phạm Thị H - sinh năm 1982 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.2.5. Bà Phạm Thị A - sinh năm 1989 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

3.2.6. Ông Phạm P - sinh năm 1980 (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.3. Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Trương Q:

3.3.1. Bà Nguyễn Thị M – sinh năm 1943 (vắng mặt).

3.3 2. Ông Trương T – sinh năm 1967 (vắng mặt).

3.3.3. Bà Trương Thị B – sinh năm 1969 (vắng mặt).

3.3.4. Ông Trương L – sinh năm 1976 (vắng mặt).

3.3.5. Ông Trương T1 – sinh năm 1966 (vắng mặt).

3.3.6. Ông Trương D – sinh năm 1972 (vắng mặt).

3.3.7. Ông Từ D – sinh năm 1973 (vắng mặt).

3.3.8. Anh Từ H – sinh năm 1998 (vắng mặt).

3.3.9. Chị Từ Thị H – sinh năm 1999 (vắng mặt).

3.3.10. Cháu Từ L – sinh năm 2009 (vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lục: Ông Từ D sinh năm 1973 (vắng mặt).

3.3.11. Bà Trương Thị V – sinh năm 1963 (vắng mặt)

3.3.12. Ông Trương Y – sinh năm 1985 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của các ông, bà: M, T, B, L, T, D, D, H, H, V, Y: Bà Trương Thị Bạch Y – sinh năm 1980 (có mặt). Địa chỉ: Thôn K 1, xã N, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

3.4. Ủy ban nhân dân huyện N.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành P – Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Khắc Đ - Phó Chủ tịch UBND huyện N (vắng mặt, đề nghị xử vắng mặt).

- Người kháng cáo: Nguyên đơn - ông Võ Minh Đ và bị đơn - bà Trương Thị Bạch Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - ông Võ Minh Đ và người đại diện hợp pháp của ông Võ Minh Đ trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.488m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận do cha mẹ ông Võ Minh Đ là cụ Võ M (chết năm từ thời Pháp thuộc) và cụ Nguyễn Thị S (chết năm 2006) tạo lập, ngoài ra cha mẹ ông không còn tài sản nào khác. Cha mẹ ông có 02 người con chung là ông Võ Minh Đ và ông Võ Minh A; Cụ Nguyễn Thị S quan hệ tình cảm với ông Trương S sinh được người con tên Trương Thị P.

Ông Võ Minh A chết năm 2015, có vợ là Nguyễn Thị T, có các người con là: Võ Minh T, Võ Thị Bích P, Võ Minh H, Võ Minh H1, Võ Minh V, Võ Minh P, Võ Thị Bích T và Võ Thị Bích L.

Năm 1950, mẹ ông chung sống với cụ Trương S (ông Trương S chết năm 1983), có một người con chung là Trương Thị P.

Ngày 31/12/1994 mẹ ông được Ủy ban nhân dân huyện N cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQDĐ) số bìa D 0776760, sổ vào số 10518 QSDĐ đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07, diện tích 4,280m^2. Qua kiểm tra bản đồ địa chính do Ủy ban nhân dân xã quản lý và ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện N thì thửa đất số 08 trên là của vợ chồng ông Trần D và bà Dương Thị N. Đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.488m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh

Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp GCNQSDĐ cho bà Trương Thị Bạch Y ngày 19/01/2012 thực tế là thửa đất của mẹ ông.

Nay ông Võ Minh Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Công nhận thửa đất số 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.488m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận là của cha mẹ ông là Võ M và Nguyễn Thị S.

- Hủy GCNQSDĐ số BH 260480 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 19/01/2012 cho bà Trương Thị Bạch Y đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.488m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Chia thừa kế phản di sản của ông Võ M và bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.488m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận cho những người thừa kế của ông Võ M và bà Nguyễn Thị S. Ông đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế ông được nhận cho ông Võ Minh H.

Bị đơn - bà Trương Thị Bạch Y và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Nguồn gốc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.488m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận là của ông bà nội bà Trương Thị Bạch Y là Trương S và Hồ Thị Đ khai hoang. Ông Trương S và bà Hồ Thị Đ có 02 người con chung, trong đó có 01 người đã chết từ nhỏ và cha bà Trương Thị Bạch Y là ông Trương Q. Ông Trương S có 01 người con riêng là bà Trương Thị P.

Khi cụ Trương S mất có để lại một tờ giấy để lại quyền sử dụng đất cho cha của bà Trương Thị Bạch Y là ông Trương Q. Cụ Trương S sử dụng đất đến năm 1962 rồi giao cho ông Trương Q. Ông Trương Q canh tác đến năm 1975 rồi khai phá thêm. Năm 2011 cha bà Trương Thị Bạch Y đã cho bà toàn bộ diện tích đất trên và ngày 19/01/2012 bà được Ủy ban nhân dân huyện N cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Trương Thị Bạch Y không đồng ý vì đây là đất của cụ Trương S và cụ Hồ Thị Đ để lại cho cha bà là ông Trương Q, sau đó ông Trương Q để lại cho bà.

Ngày 25/8/2020, bà Trương Thị Bạch Y có đơn yêu cầu phản tố đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh Đ đòi lại thửa 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.488m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp bà Trương Thị Bạch Y theo GCNQSDĐ số BH 260480 ngày 19/01/2012 ; công nhận diện tích đất đang tranh chấp thuộc quyền sử dụng của bà Trương Thị Bạch Y. Ngày 30/9/2021, bà Trương Thị Bạch Y có đơn xin rút yêu cầu phản tố với lý do nội dung theo đơn yêu cầu phản tố ngày 25/8/2020 chỉ là ý kiến trình bày, không phải là yêu cầu phản tố.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các ông (bà): Nguyễn Thị T, Võ Thị Bích P, Võ Minh H, Võ Minh H1, Võ Minh P, Võ Thị Bích T, Võ Thị

Bích L, Võ Minh T, Võ Minh V là những người thừa kế của ông Võ Minh A trình bày trong quá trình tham gia tố tụng như sau:

Bà Nguyễn Thị T là vợ của ông Võ Minh A. Ông Võ Minh A chết năm 2015, không để lại di chúc. Ông Võ Minh A là con của cụ Võ M và cụ Nguyễn Thị S. Ông Võ Minh A và bà Nguyễn Thị T có 08 người con chung là Võ Thị Bích P, Võ Minh H, Võ Minh H1, Võ Minh P, Võ Thị Bích T, Võ Thị Bích L, Võ Minh T, Võ Minh V. Các ông, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh Đ và đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế của ông Võ Minh A cho ông Võ Minh H. Các ông, bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, kể cả hòa giải và xét xử.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Phạm Thị Đ, Phạm Thị A, Phạm H, Phạm P, Phạm T, Phạm Thị H là những người thừa kế của bà Trương Thị P trình bày:

Ông Phạm T và bà Trương Thị P sinh được các con: Phạm Thị Đ, Phạm Thị A, Phạm H, Phạm P, Phạm T, Phạm Thị H. Bà Trương Thị P chết năm 1997 (chết trước mẹ là Nguyễn Thị S), không để lại di chúc. Bà Trương Thị P là con của cụ Trương S với cụ Nguyễn Thị S. Bà Trương Thị P và ông Phạm T có 06 người con chung là Phạm Thị Đ, Phạm Thị A, Phạm H, Phạm P, Phạm T, Phạm Thị H. Các ông bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh Đ và đồng ý tặng cho kỷ phần thừa kế của bà Trương Thị P cho Hoan. Các ông bà xin vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án, kể cả hòa giải và xét xử.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – các ông (bà) Nguyễn Thị M, Trương T, Trương Thị B, Trương L, Trương T1, Trương D, Trương Thị V, Trương Y, là những người thừa kế của ông Trương Q trình bày:

Bà Nguyễn Thị M là vợ của ông Trương Q. Ông Trương Q là con của cụ Trương S và cụ Hồ Thị Đ. Bà Nguyễn Thị M với ông Trương Q sinh được 10 người con chung là: Trương Thị Bạch Y, Trương T, Trương Thị B, Trương L, Trương T1, Trương D, Trương Thị V, Trương Y, Trương Thị T (chết trẻ không có chồng, con), Trương Thị T1 chết năm 2011, có chồng tên Từ D và 03 con Từ H, Từ Thị H, Từ L. Các ông, bà thống nhất với lời trình bày của bà Trương Thị Bạch Y về nguồn gốc thửa đất tranh chấp và không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh Đ. Nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Võ Minh Đ, các ông bà đồng ý tặng, cho bà Trương Thị Bạch Y kỷ phần thừa kế của ông Trương Q mà các ông bà được hưởng. Các ông bà ủy quyền cho bà Trương Thị Bạch Y tham gia tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông (bà) Từ D, Từ H, Từ Thị H, Từ L trình bày :

Ông Từ D là chồng của bà Trương Thị T1. Bà Trương Thị T1 chết năm 2011, không để lại di chúc. Bà Trương Thị T1 là con của ông Trương Q và bà Nguyễn Thị M. Bà Trương Thị T1 với ông Từ D có 3 người con chung là Từ H, Từ Thị H và Từ L. Các ông, bà thống nhất với lời trình bày của bà Trương Thị Bạch Y về nguồn gốc thửa đất tranh chấp nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông Võ Minh Đ. Nếu Tòa

án chấp nhận yêu cầu chia tài sản thừa kế của ông Võ Minh Đ, các ông bà đồng tặng cho bà Trương Thị Bạch Y kỷ phần thừa kế của bà Trương Thị T1 mà các ông bà được hưởng. Các ông, bà ủy quyền cho bà Trương Thị Bạch Y tham gia tố tụng tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân huyện N trình bày:

Ngày 21/9/2011, bà Trương Thị Bạch Y đến Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hải kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ thửa số 87, diện tích 9,488m^2, tờ bản đồ số 19 xã Nhơn Hải, loại đất BHK, có nguồn gốc đất nông nghiệp tạo lập trước năm 1975, cha mẹ Trương Q để lại cho con năm 2002 và đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp GCNQSDĐ số BH 260480 ngày 19/01/2012, Việc cấp GCNQSDĐ cho bà Trương Thị Bạch Y là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, quá trình xác lập hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho bà Trương Thị Bạch Y, Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hải không xác minh nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất...đối với các trường hợp đất không có giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nhưng lại xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất vào đơn xin cấp giấy chứng nhận cho bà Trương Thị Bạch Y là đất nông nghiệp khai hoang trước năm 1975, chủ Trương Q để lại cho con năm 2002 (không có giấy tờ cho), thời điểm sử dụng đất là trước năm 1975 và không kiểm tra hồ sơ địa chính (Sổ mục kê năm 2005 xã Nhơn Hải quy chủ sử dụng thửa đất số 87, diện tích 9.488m^2 tờ bản đồ địa chính số 19 là bà Nguyễn Thị S) và các cơ quan chuyên môn của huyện khi thẩm tra thiếu cập nhật thông tin hồ sơ địa chính nên đề nghị Ủy ban nhân dân huyện N cấp GCNQSDĐ cho bà Trương Thị Bạch Y là không đúng quy định của pháp luật đất đai. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện N đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận chấp nhận yêu cầu của ông Võ Minh Đ, hủy GCNQSDĐ số BH 260480 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 19/01/2012 cho bà Trương Thị Bạch Y. Người đại diện hợp pháp của UBND huyện N có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

Tại bản án dân sự số 15/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Toà án nhân dân tỉnh Ninh Thuận đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất; Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất; Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nguyên đơn Võ Minh Đ khởi kiện.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng thửa đất số 87, tờ bản đồ địa chính số 19, diện tích 9.488m^2 xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận ký ngày 09/11/2021. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Trương Thị Bạch Y số bìa BH 260480, số vào sổ cấp CH 00836 ngày 19/01/2012 là thửa đất số 87 tờ bản đồ số 19, Miếu Bà, Khánh Phước, Nhơn Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận diện tích 9.488m^2.

2.1. Ông Võ Minh H được thừa kế, được tặng cho kỷ phần nên được quyền sử dụng tổng diện tích đất là 7.888m^2 đất được xác định bởi các điểm 8, 9, 10, 11, 17, 15 thuộc một phần thửa đất số 87, tờ bản đồ địa chính số 19 diện tích 9.488m^2 xã Nhơn

Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận ký ngày 09/11/2021. Bà Trương Thị Bạch Y là người đang chiếm hữu, sử dụng thửa đất phải có nghĩa vụ giao trả cho ông Võ Minh H 7.888m^2 đất.

2.2. Bà Trương Thị Bạch Y được thừa kế, được tặng cho kỷ phần nên được quyền sử dụng tổng diện tích đất là 1.600m^2 đất được xác định bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 15, 17 thuộc một phần thửa đất số 87, tờ bản đồ địa chính số 19 diện tích 9.488m^2 xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận ký ngày 09/11/2021. Bà Trương Thị Bạch Y là người đang chiếm hữu, sử dụng thửa đất.

2 3. Bà Trương Thị Bạch Y phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Minh H số tiền chênh lệch chia thừa kế tài sản là 1.496.000đ (Một triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Trương Thị Bạch Y số bìa BH 260480, số vào sổ cấp CH 00836 ngày 19/01/2012 đối với thửa đất số 87 tờ bản đồ số 19, Miếu Bà, Khánh Phước, xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận diện tích 9.488m^2.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí sơ thẩm, quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/01/2022, bị đơn - bà Trương Thị Bạch Y kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng công nhận thửa đất số 87; tờ bản đồ số 19; diện tích 9,488m^2 tọa lạc tại Miếu Bà, Khánh Phước, xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải có nguồn gốc là của ông Trương Q đã được cấp GCNQSDĐ là hoàn toàn hợp pháp và người thừa kế hợp pháp của ông Trương Q là bà Trương Thị Bạch Y.

Ngày 12/01/2022, nguyên đơn - ông Võ Minh Đ kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm: Không công nhận hôn nhân thực tế giữa cụ Nguyễn Thị S với cụ Trương S; không công nhận phần tài sản của cụ Nguyễn Thị S là 6.325,3m^2 được chuyển hóa thành tài sản chung của cụ Nguyễn Thị S và cụ Trương S; Do không là hôn nhân thực tế, không là vợ chồng, vi phạm pháp luật về Hôn nhân và Gia đình nên ông Trương S không có tài sản để thừa kế lại cho ông Trương Q dẫn đến bà Trương Thị Bạch Y được thừa kế 1.600m^2; Yêu cầu bà Trương Thị Bạch Y trả lại 1.600m^2 cho ông Võ Minh Đ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

- Người đại diện hợp pháp của bị đơn - bà Trương Thị Bạch Y trình bày yêu cầu kháng cáo như sau: Nguồn gốc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.488m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận là do cha của bà là ông Trương Q khai hoang. Ngày 06/7/1971, ông Trương Q được Tổng trưởng cải cách điền địa và

Phát triển Nông Ngư nghiệp cấp chứng thư quyền sở hữu mã số 213-01-10 thửa đất số 0069, tờ thứ 53 A, diện tích 1 ha. Ông Trương Q trực tiếp canh tác từ năm 1971 cho đến khi qua đời.

Năm 2011, cha bà đã cho bà toàn bộ diện tích đất trên và ngày 19/01/2012 bà được Ủy ban nhân dân huyện N cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này.

Do tính chất công việc chưa thể trực tiếp canh tác nên ngày 11/12/2013 bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột bà Trương Thị Bạch Y) cho vợ chồng ông Nguyễn Đen và bà Trần Thị Tươi thuê để trồng hoa màu. Thời gian thuê đến hết năm 2018 thì không thuê nữa mà trả lại đất cho bà Trương Thị Bạch Y.

Bà không đồng ý với việc bản án sơ thẩm xác định phần đất tranh chấp trên có nguồn gốc của ông Võ My và bà Nguyễn Thị S và không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn nêu trên và trình bày yêu cầu kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm: Không công nhận hôn nhân thực tế giữa cụ Nguyễn Thị S với cụ Trương S; không công nhận phần tài sản của cụ Nguyễn Thị S là 6.325,3m^2 được chuyển hóa thành tài sản chung của cụ Nguyễn Thị S và cụ Trương S; do không là hôn nhân thực tế, không là vợ chồng, vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình nên ông Trương S không có tài sản để thừa kế lại cho ông Trương Q dẫn đến bà Trương Thị Bạch Y được thừa kế 1.600m^2; Yêu cầu bà Trương Thị Bạch Y trả lại 1.600m^2 cho ông Võ Minh Đ.

Tại phần tranh luận:

- Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn - bà Trương Thị Bạch Y tranh luận:

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn kháng cáo nhưng đã rút đơn kháng cáo, nên phía nguyên đơn không còn kháng cáo nữa, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn.

Ông Võ Minh Đ chưa đủ tư cách là người khởi kiện do hồ sơ vụ án không thấy có CMND/CCCD, hộ khẩu của ông Võ Minh Đ; giấy khai sinh của ông Võ Minh Đ bản photocophy mờ, không có ghi đối chiếu bản chính. Bà Nguyễn Thị Xâm sinh năm 1910 trong giấy khai sinh của ông Võ Minh Đ và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1922 trong giấy khai tử là hai người có tên khác nhau, năm sinh khác nhau. Như vậy, ông Võ Minh Đ không phải là con của bà Nguyễn Thị S - người mà ông Võ Minh Đ cho rằng đứng tên 25.835 m^2 trong sổ mục kê 2005 của xã Nhơn Hải và là người tạo lập phần đất 9.488m^2 đang tranh chấp hiện bà Trương Thị Bạch Y đang đứng tên.

Vụ án chia thừa kế có 29 đương sự liên quan đến thừa kế, nhưng chỉ thấy có tờ khai sinh photo của ông Võ Minh Đ. Những người còn lại không cung cấp khai sinh để chứng minh mối liên hệ xác định quyền thừa kế. Nhiều người không cung cấp CMND/CCCD.

Ông Võ Minh Đ đã xin rút yêu cầu chia thừa kế, nhưng Tòa án xét xử chia thừa kế là vi phạm Điều 5 BLTTDS.

Về nội dung:

Thửa đất tranh chấp không thuộc quyền sử dụng của bà Nguyễn Thị S. Nguyên đơn không đưa ra được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh về việc cha mẹ ông là ông Mỹ, cụ Nguyễn Thị S mua nhận chuyển nhượng hay có quá trình sử dụng, canh tác, khai thác. Chỉ có sổ mục kê ghi chú cụ Nguyễn Thị S DT 25.835 m^2, không ghi số thửa, tờ bản đồ số 19 và có thể sổ mục kê có sự nhầm lẫn trong quá trình kê khai, do cụ Nguyễn Thị S (sinh năm 1922) thời điểm 2005 đã 83 tuổi hay bà Xâm (sinh năm 1910, trong khai sinh ông Võ Minh Đ) đã 95 tuổi, làm sao có thể tự khai đất?

Nếu có trường hợp cụ Nguyễn Thị S là người tạo lập, khai phá phần đất từ trước năm 1975 nhưng đây là đất nông nghiệp, theo qui định của Luật đất đai thì Nhà nước chỉ cấp giấy chứng nhận cho cá nhân, hộ gia đình trực tiếp sử dụng đất. Bản thân cụ Nguyễn Thị S không sử dụng hay đóng thuế sử dụng đất.

Phần đất tranh chấp 9.488m^2 là của bà Trương Thị Bạch Y. Bởi phần đất tranh chấp được Nhà nước Việt Nam Cộng Hòa cấp cho ba bà Trương Thị Bạch Y là ông Trương Q. Do đất nông nghiệp trải qua thời gian dài sử dụng, nên có sự tăng giảm diện tích là lẽ thường. Nhưng ông Trương Q và bà Trương Thị Bạch Y đã kê khai và đóng thuế đầy đủ. Các hộ dân xung quanh đã xác nhận nguồn gốc đất tranh chấp là do cụ Trương S và cụ Hồ Thị Đ để lại cho con là ông Trương Q quản lý sử dụng.

Việc cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho bà Trương Thị Bạch Y là đúng, có chứng thư cấp quyền sở hữu và kê khai nộp thuế, để chứng minh việc cấp đất cho bà Trương Thị Bạch Y là đúng quy định. Do ông Trương Q hết độ tuổi lao động, nên hộ gia đình cử bà Trương Thị Bạch Y đứng tên là đúng quy định, quá trình cấp không có ai khiếu nại. Nhưng 09 năm sau, UBND huyện N căn cứ vào sổ mục kê để xác nhận việc cấp giấy cho bà Trương Thị Bạch Y sai là không có cơ sở.

Đề nghị, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà Trương Thị Bạch Y, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên ý kiến đã trình bày, không tranh luận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của chủ tọa, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự và về nội dung như sau:

+ Về tố tụng: Trong giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Các bên đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và không chấp nhận kháng cáo của bị đơn - bà Trương Thị Bạch Y, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

XÉT THẤY:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Tòa án đã tống đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập đương sự tham gia phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ đến lần thứ hai nhưng các đương sự, gồm: bà Nguyễn Thị T, ông Võ Minh T, bà Võ Thị Bích P, ông Võ Minh H, ông Võ Minh H1, ông Võ Minh V, ông Võ Minh P, bà Võ Thị Bích T, bà Võ Thị Bích L, ông Phạm H, bà Phạm Thị Đ, ông Phạm T. Bà Phạm Thị H, bà Phạm Thị A, ông Phạm P - vắng mặt, có đơn đề nghị vắng mặt. Người đại diện theo ủy quyền của UBND huyện N vắng mặt. Căn cứ khoản 2 và 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2]. Về kháng cáo của bà Trương Thị Bạch Y và đề nghị của luật sư cho rằng ông Võ Minh Đ đã rút đơn kháng cáo nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ phúc thẩm, không xét kháng cáo của ông Võ Minh Đ. Xét thấy, ngày 31/12/2021 Tòa nhân dân tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm và tuyên án. Ngày 12/01/2022, ông Võ Minh H đại diện ông Võ Minh Đ kháng cáo nhưng sau đó rút đơn. Cùng ngày 12/01/2022 ông Võ Minh Đ và bà Trương Thị Bạch Y nộp đơn kháng cáo. Như vậy, đơn kháng cáo của ông Võ Minh Đ và đơn kháng cáo của bà Trương Thị Bạch Y làm trong hạn luật định, hợp lệ được xem xét theo thủ tục phúc thẩm. Việc luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị Bạch Y cho rằng ông Võ Minh Đ đã rút đơn kháng cáo nên không xét kháng cáo của ông Võ Minh Đ là không có cơ sở.

[3]. Về ý kiến của luật sư cho rằng bản án sơ thẩm đã xác định sai quan hệ tranh chấp. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong các yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn - ông Võ Minh Đ có khởi kiện yêu cầu Tòa án công nhận thửa đất số 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9488 m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận là của cha mẹ ông – ông Võ M và bà Nguyễn Thị S. Như vậy, quan hệ tranh chấp trong vụ án này phải được xác định là "Tranh chấp quyền sử dụng đất", cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp là "Đòi lại tài sản là quyền sử dụng đất" là chưa chính xác. Ý kiến này luật sư là có cơ sở, tuy nhiên việc sai sót này cấp phúc thẩm có thể điều chỉnh được, không cần thiết phải hủy án chỉ vì lý do này.

[4]. Về ý kiến của bà Trương Thị Bạch Y và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Trương Thị Bạch Y cho rằng ông Võ Minh Đ đã rút yêu cầu chia thừa kế nhưng cấp sơ thẩm vẫn giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế là giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự, vi phạm Điều 5 BLTTDS.4

Xét thấy, ngày 10/8/2020 ông Võ Minh Đ có đơn kiện bổ sung yêu cầu chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất 9488 m^2 tọa lạc tại Miếu Bà, Khánh Phước - xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận. Tại biên bản đối chất 26/8/2021, nguyên đơn khai rút yêu cầu chia thừa kế và ngày 11/9/2020, ông Võ Minh Đ có đơn rút yêu cầu khởi kiện bổ sung nêu trên. Tuy nhiên, tại biên bản hòa giải ngày 29/9/2021, nguyên đơn lại trình bày ý kiến đề nghị xác định tài sản tranh chấp là của ông Mỹ, cụ Nguyễn Thị S, để lại và yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật. Xét thấy, yêu cầu rút đơn kiện bổ sung của nguyên đơn chưa được Tòa án đình chỉ. Sau đó, phía nguyên đơn vẫn tiếp tục yêu cầu giải quyết. Tại biên bản hòa giải ngày 29/9/2021, phía bị đơn cũng đã có ý kiến trình bày đối với yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn. Do đó, việc Tòa án cấp sơ thẩm vẫn tiếp tục giải quyết yêu cầu chia thừa kế là không vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự. Như vậy, ý kiến của bà Trương Thị Bạch Y và luật sư bảo kê cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của đương sự là không có cơ sở.

[5]. Về việc bị đơn và luật sư cho rằng ông Võ Minh Đ không có đủ tư cách để khởi kiện vì hồ sơ vụ án không thể hiện có CMND/CCCD của ông Võ Minh Đ. Tại giấy khai sinh của ông Võ Minh Đ thể hiện mẹ là bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1910. Tuy nhiên, trong giấy khai tử lại thể hiện bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1922 - người mà ông Võ Minh Đ cho rằng đứng tên 25835 m^2, trong sở mục kê năm 2005 của xã Nhơn Hải và là người tạo lập phần đất 9488 m^2 đang tranh chấp hiện bà Trương Thị Bạch Y đang đứng tên. Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm có ban hành Quyết định cung cấp chứng cứ yêu cầu khởi kiện cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cụ Nguyễn Thị X, sinh năm 1910 và cụ Nguyễn Thị S, chết năm 2002 có phải là một người và có phải là mẹ của ông Võ Minh Đ hay không. Tại biên bản đối chất ngày 29/10/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận thể hiện bà Trương Thị Bạch Y cũng thừa nhận ông Võ M và bà Nguyễn Thị S có hai người con tên là Võ Minh A và Võ Minh Đ. Tại biên bản đối chất trên và tại bản tự khai, biên bản hòa giải trong quá trình tham gia tố tụng, các đương sự khác cùng thống nhất về quan hệ huyết thống như ông Võ Minh Đ, bà Trương Thị Bạch Y khai không ai có ý kiến phản đối, tranh chấp về hàng thừa kế. Tại văn bản bản số 740/DTNMT ngày 09/5/2019 của Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Ninh Hải cũng đề cập đến ông Võ Minh Đ (con bà Nguyễn Thị S đã mất 2006).

Như vậy, việc luật sư bảo vệ cho bà Trương Thị Bạch Y trình bày tại phiên tòa phúc thẩm cho rằng không có cơ sở xác định ông Võ Minh Đ là con bà Nguyễn Thị S, nên ông Võ Minh Đ không có tư cách khởi kiện là không có cơ sở chấp nhận.

[6]. Về nội dung giải quyết:

[6.1] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

Theo lời khai của bà Trương Thị Bạch Y, phù hợp với hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị Bạch Y thể hiện: Ngày 21/9/2011, bà Trương Thị Bạch Yến đến Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hải kê khai đăng ký cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 87, diện tích 9,488m^2, tờ bản đồ số 19 xã Nhơn Hải, loại đất BHK; bà Trương Thị Bạch Y kê khai phần đất xin cấp giấy có nguồn gốc đất nông

nghiệp do ông bà nội bà Trương Thị Bạch Y là cụ Trương S và cụ Hồ Thị Đ khai hoang, tạo lập trước năm 1975; cha Trương Q để lại cho con năm 2002. Ngày 19/01/2012 bà Trương Thị Bạch Y đã được Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận cấp GCNQSDĐ số BH 260480 với toàn bộ diện tích đất nêu trên.

Ngược lại, phía nguyên đơn cho rằng: Nguồn gốc thửa đất số 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.488m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận do cha mẹ của nguyên đơn là cụ Võ M và cụ Nguyễn Thị S tạo lập; quá trình sử dụng cụ Nguyễn Thị S đã đăng ký, kê khai vào sổ mục kê và ngày 31/12/1994, cụ Nguyễn Thị S đã được UBND huyện N cấp giấy chứng nhận QSDĐ số D0776760, sổ vào số 10518 QSDĐ đối với thửa đất số 08, tờ bản đồ số 07, diện tích 4,280m^2; qua kiểm tra bản đồ địa chính do Ủy ban nhân dân xã quản lý và ý kiến của Ủy ban nhân dân huyện N thì thửa đất số 08 trên là của vợ chồng ông Trần D và bà Dương Thị N; đối với thửa đất số 87, tờ bản đồ số 19, diện tích 9.488m^2, tọa lạc tại xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện N cấp GCNQSDĐ cho bà Trương Thị Bạch Y ngày 19/01/2012 thực tế là của cụ Nguyễn Thị S; việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cụ Nguyễn Thị S nhầm sang thửa đất khác và phần đất trên của cụ Nguyễn Thị S lại cấp nhầm cho bà Trương Thị Bạch Y là do lỗi của Ủy ban nhân dân huyện N.

[6.2]. Căn cứ tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, do Tòa án thu thập và lời khai của người làm chứng, thấy rằng:

[6.2.1]. Theo sổ mục kê 2005, xã Nhơn Hải qui chủ sử dụng đất thửa 87, diện tích 9.488m^2, tờ bản đồ địa chính số 19 là của cụ Nguyễn Thị S.

[6.2.2.] Đại diện Uỷ ban nhân dân huyện Ninh Hải trình bày về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên cho bà Trương Thị Bạch Y như sau: "V*iệc ủy ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 260480 ngày 19/01/2012 GCNQSDĐ thửa số 87, diện tích 9,488m^2, tờ bản đồ số 19 cho bà Trương Thị Bạch Y đúng trình tự, thủ tục. Tuy nhiên, quá trình xác lập hồ sơ cấp giấy chứng nhận cho bà Trương Thị Bạch Y. Ủy ban nhân dân xã Nhơn Hải không xác minh nguồn gốc đất, thời điểm sử dụng đất...đối với các trường hợp đất không có giấy tờ được quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 nhưng lại xác nhận nguồn gốc, thời điểm sử dụng đất vào đơn xin cấp giấy chứng nhận cho bà Trương Thị Bạch Y là đất nông nghiệp khai hoang trước năm 1975, chủ Trương Q để lại cho con năm 2002 (không có giấy tờ cho), thời điểm sử dụng đất là trước năm 1975 và không kiểm tra hồ sơ địa chính (Sổ mục kê năm 2005 xã Nhơn Hải quy chủ sử dụng thửa đất số 87, diện tích 9.488m^2 tờ bản đồ địa chính số 19 là bà Nguyễn Thị S) và các cơ quan chuyên môn của huyện khi thẩm tra thiếu cập nhật thông tin hồ sơ địa chính nên đề nghị Ủy ban nhân dân huyện N cấp GCNQSDĐ cho bà Trương Thị Bạch Y là không đúng quy định của pháp luật đất đai. Do đó, Ủy ban nhân dân huyện N đề nghị Tòa án hủy GCNQSDĐ số BH 260480 do Ủy ban nhân dân huyện N cấp ngày 19/01/2012 cho bà Trương Thị Bạch Y"*.

[6.2.3]. Tại biên bản xác minh ngày 07/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận tại Uỷ ban nhân dân xã Nhơn Hải (BL228) thì các thửa đất còn lại trong tổng diện tích 25.835m^2 sau khi cấp cho bà Trương Thị Bạch Y 9.488m^2 thì quy chủ cho ông Võ Khắc Dũng, Phan Huy, tục danh gọi là đất Đồng trên.

[6.2.4]. Người làm chứng - ông Võ Khắc D là người có đất liền kề với đất đang tranh chấp khai: nguồn gốc thửa đất số 87 của vợ chồng cụ Võ M, cụ Nguyễn Thị S (cha mẹ của Võ Minh A và Võ Minh Đ); theo sổ mục kê của xã cung cấp tờ bản đồ số 19 trang 43 thì bà Nguyễn Thị S được đưa vào sổ mục kê thửa đất số 56, TBĐ 19 diện tích 25.835m^2, loại đối tượng GDC (cá nhân, hộ gia đình); mục đích sử dụng BHK (đất bằng trồng cây hàng năm); sau đó, bà Trương Thị Bạch Y được cấp 9.488m^2 thửa 87 nên thửa đất 56 bị giảm diện tích do bị tách thửa. Xét lời khai của ông Từ D phù hợp với các tài liệu chứng cứ về nguồn gốc đất tranh chấp.

[6.2.5]. Những người làm chứng - ông Phạm M, ông Phan Văn É, bà Nguyễn Thị Đ khai: thửa đất số 87 đang tranh chấp nguồn gốc của vợ chồng cụ Trương S và cụ Hồ Thị Đ. Tuy nhiên, lời khai của họ không phù hợp với chứng cứ; họ cũng không có đất liền kề thửa đất đang tranh chấp.

[6.2.6]. Theo Tờ bản đồ số 299/TTg năm 1986, thửa đất số 87 ghi tên ông Nguyễn C. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác minh thì ông Nguyễn Cảnh xác định các thửa đất này không phải của ông. Con của ông Nguyễn C là ông Nguyễn Đ có thuê thửa đất này để canh tác (Chính là thửa đất bà Trương Thị Bạch Y được cấp quyền sử dụng). Bà Trương Thị Bạch Y ngoài thửa đất đang bị tranh chấp thì bà Trương Thị Bạch Y còn được cấp thửa đất số 35 tờ bản đồ 02 diện tích 2.000m^2 nguồn gốc do bà Nguyễn Thị M (vợ ông Trương Q, mẹ bà Trương Thị Bạch Y) tặng, cho.

[6.2.7]. Bị đơn cho rằng nguồn gốc đất tranh chấp trên là của cụ Hồ Thị Đ và cụ Trương S và cung cấp giấy viết tay nội dung cụ Hồ Thị Đ thỏa thuận với cụ Trương S về việc sau này giao thửa đất cho con là Trương Q được quyền sử dụng để chứng minh. Tuy nhiên, giấy này không có chữ ký hoặc lăn tay của cụ Hồ Thị Đ, cụ Trương S; không thể hiện vị trí, diện tích cũng như các thông tin rằng giấy này chứng minh thửa đất số 87 đang tranh chấp là của cụ Trương S và cụ Hồ Thị Đ tạo lập.

[6.2.8]. Đối với chứng thư cấp quyền sở hữu Mã số 213-01-10 ngày 06/9/1971 do Chế độ Việt Nam Cộng Hòa cấp cho ông Trương Q thửa số 0069M, tờ thứ 53A, diện tích 01ha tọa lạc tại Vĩnh Hải, Ninh Thuận (bút lục số 135) được Tòa án xác minh thì cơ quan chức năng trả lời không xác định được chứng thư bà Trương Thị Bạch Y cung cấp là thửa đất nào, vị trí, quy chủ cho ai; không xác định được giấy này có phải căn cứ cấp thửa đất 87, tờ bản đồ 19 cho bà Trương Thị Bạch Y mà các bên đang tranh chấp hay không. Bên cạnh đó, hồ sơ đăng ký quyền sử dụng đất thì bà Trương Thị Bạch Y thừa nhận không ký vào bất cứ giấy tờ nào trong hồ sơ này, trong hồ sơ thể hiện nguồn gốc đất là cha Trương Q tặng, cho con Trương Thị Bạch Y nhưng không có tài liệu chứng minh nguồn gốc. Bà Trương Thị Bạch Y cũng thừa nhận bà không đưa chứng thư trên vào hồ sơ cấp giấy chứng nhận đối với thửa đất mà nguyên đơn

đang tranh chấp. Tòa án đã xác minh và bà Trương Thị Bạch Y còn thừa nhận: Ngoài thửa đất đang bị tranh chấp thì bà còn được cấp quyền sử dụng đất khác do cha, mẹ bà để lại.

[6.2.9]. Hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị Bạch Y không có tài liệu chứng minh nguồn gốc đất, bà Trương Thị Bạch Y thừa nhận không ký các tài liệu trong hồ sơ này. Bà Trương Thị Bạch Y không đăng ký quyền sử dụng trong khi cụ Nguyễn Thị S đã đăng ký vào sổ mục kê.

[7]. Từ các tài liệu, chứng cứ đã phân tích, đánh giá tại các mục trên có cơ sở xác định diện tích đất 9.488m^2, thửa 87, tờ bản đồ số 19 xã Nhơn Hải, loại đất BHK Ủy ban nhân dân huyện N đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Trương Thị Bạch Y có nguồn gốc là của vợ chồng cụ Võ M và cụ Nguyễn Thị S. Quá trình sử dụng đất cụ Nguyễn Thị S có đăng ký kê khai và đã được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng lại cấp nhầm sang thửa đất khác. Còn phần đất của cụ Võ M, cụ Nguyễn Thị S Ủy ban nhân dân huyện N lại cấp cho bà Trương Thị Bạch Y là không đúng đối tượng; Ủy ban nhân dân huyện N cũng có văn bản gửi Tòa án cấp sơ thẩm xác định sự việc trên và cũng đề nghị Tòa án hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Trương Thị Bạch Y nêu trên. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định nguồn gốc đất tranh chấp là của cụ Võ M và cụ Nguyễn Thị S và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH 260480 ngày 19/01/2012 do Uỷ ban nhân dân huyện Ninh Hải cấp cho bà Trương Thị Bạch Y, đồng thời kiến nghị với Ủy ban nhân dân huyện N giải quyết theo qui định của pháp luật đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ Nguyễn Thị S được Ủy ban nhân dân huyện N cấp nhầm sang phần đất của người khác là đúng pháp luật.

[8]. Tại phiên tòa phúc thẩm, phía bà Trương Thị Bạch Y vẫn tiếp tục khẳng định nguồn gốc đất tranh chấp là do cha của bà là ông Trương Q khai hoang. Ngày 06/71971 ông Trương Q được Tổng trưởng cải cách điền địa và Phát triển Nông Ngư nghiệp cấp cấp chứng thư quyền sở hữu mã số 213-01-10 thửa đất số 0069, tờ thứ 53 A, diện tích 1 ha. Năm 2011, cha bà đã cho bà toàn bộ diện tích đất trên và ngày 19/01/2012 bà được Ủy ban nhân dân huyện N cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất này. Tuy nhiên, phía bà Trương Thị Bạch Y không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ nào chứng minh cho yêu cầu kháng cáo. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo trên của bà Trương Thị Bạch Y.

[9]. Về yêu cầu chia thừa kế: Căn cứ lời khai xác nhận của các bên đương sự, phù hợp với tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp và Tòa án thu thập thể hiện Cụ Võ M (chết thời Pháp thuộc) và cụ Nguyễn Thị S là vợ chồng. Cụ Võ M và cụ Nguyễn Thị S có các con là Võ Minh A và Võ Minh Đ. Cụ Võ M chết trước cụ Nguyễn Thị S nên di sản của cụ Võ M được xác định là ½ diện tích đất là 4.744m^2. Phần tài sản của cụ Nguyễn Thị S là 4.744m^2. Phần di sản của cụ Võ M được chia thừa kế theo pháp luật cho cụ Nguyễn Thị S và hai con là Võ Minh A, Võ Minh Đ, mỗi phần là 1.581,3m^2 đất.

[9.1] Sau khi cụ Võ M chết, cụ Nguyễn Thị S sống chung với cụ Trương S và sinh được bà Trương Thị P (bà Trương Thị P sinh năm 1948). Như vậy, cụ Nguyễn Thị S chung sống với cụ Trương S là trước ngày 03/01/1987 (trước ngày Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986 có hiệu lực pháp luật), có con chung nên việc cụ Nguyễn Thị S và cụ Trương S chung sống với nhau được Pháp luật công nhận là vợ chồng (hôn nhân thực tế), quy định tại điểm a mục 3 Nghị Quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2002 của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000.

[9.2]. Như vậy, kháng cáo của ông Võ Minh Đ cho rằng việc cụ Nguyễn Thị S và cụ Trương S chung sống với nhau không phải là hôn nhân thực tế, vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không công nhận hôn nhân thực tế giữa cụ Nguyễn Thị S với cụ Trương S là không có cơ sở chấp nhận.

[9.3]. Phần tài sản của cụ Nguyễn Thị S là 6.325,3m^2 được chuyển hóa thành tài sản chung của cụ Nguyễn Thị S và cụ Trương S. Quá trình chung sống, cụ Trương S và cụ Nguyễn Thị S có canh tác trên thửa đất số 87. Cụ Nguyễn Thị S đăng ký, kê khai được cấp nhầm thửa đất khác còn thửa đất số 87 thì ông Trương Q kê khai và tặng cho bà Trương Thị Bạch Y, ông Trương Q có canh tác, gìn giữ quyền sử dụng đất trong khi các con của cụ Nguyễn Thị S là ông Võ Minh Đ và ông Võ Minh A không canh tác trên thửa đất số 87. Cụ Trương S chết năm 1983, phần di sản của cụ Trương S là 3.162,6m^2 được chia cho cụ Nguyễn Thị S, người con riêng của cụ Trương S là ông Trương Q, người con chung của cụ Trương S và cụ Nguyễn Thị S là Trương Thị P, và tính công sức cho ông Trương Q bằng một suất thừa kế. Do đó, ông Trương Q được chia 1.581,3m^2; cụ Nguyễn Thị S, bà Trương Thị P mỗi người được chia 790,65 m^2.

[9.4]. Cụ Nguyễn Thị S chết ngày 17/7/2006. Ông Võ Minh A chết sau cụ Nguyễn Thị S nên vợ và các con ông Võ Minh A được hưởng thừa kế chuyển tiếp. Bà Trương Thị P chết trước cụ Nguyễn Thị S nên các con của bà Trương Thị P được hưởng thừa kế thế vị. Di sản của cụ Nguyễn Thị S là 3.953,25m^2 được chia cho ông Võ Minh Đ, những người thừa kế của ông Võ Minh A, những người thừa kế của bà Trương Thị P, mỗi phần là 1.317,75m^2.

[9.5] Tổng kỷ phần những người thừa kế được chia như sau:

- Tổng giá trị kỷ phần ông Võ Minh Đ được nhận là 2.899,05m^2 đất. Ông Võ Minh Đ tặng, cho ông Võ Minh H toàn bộ kỷ phần. Ông Võ Minh A chết sau cụ Nguyễn Thị S nên vợ và các con ông Võ Minh A được thừa kế chuyển tiếp kỷ phần 2.899,05m^2 đất và họ tặng, cho ông Võ Minh H. Bà Trương Thị P chết trước cụ Nguyễn Thị S nên các con bà Trương Thị P được thừa kế thế vị, đồng ý tặng, cho ông Võ Minh H 2.108,4m^2. Do đó, ông Võ Minh H được nhận tổng cộng 7.906,5m^2 đất trị giá 632.520.000đ.

- Vợ và các con của ông Trương Q được thừa kế chuyển tiếp kỷ phần của ông Trương Q là 1.581,3m^2 trị giá 126.504.000đ cùng nhất trí tặng, cho bà Trương Thị Bạch Y.

- Quyền sử dụng đất hiện nay không có vật kiến trúc cũng như cây trồng trên đất, diện tích đất có vị trí và cự ly các cạnh có thể phân chia được nên Tòa án cấp sơ thẩm đã phân chia hiện vật bằng quyền sử dụng đất. Theo đó, giao cho ông Võ Minh H được quyền sử dụng một phần diện tích của thửa đất số 87, tờ bản đồ địa chính số 19 xã Nhơn Hải được xác định bởi các điểm 8, 9, 10, 11, 17, 15 là 7.888m^2 (theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận đo ngày 09/11/2021). Kỷ phần của ông Trương Q tương ứng 1.581,3m^2; Chia cho bà Trương Thị Bạch Y được quyền sử dụng một phần diện tích của thửa đất số 87, tờ bản đồ địa chính số 19 xã Nhơn Hải được xác định bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 15, 17 là 1.600m^2 (theo Trích lục bản đồ địa chính do Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận đo ngày 09/11/2021). Bà Trương Thị Bạch Y phải hoàn sang cho ông Võ Minh H số tiền chênh lệch là 18,7 m^2 x 80.000đ = 1.496.000đ.

[10]. Như vậy, Bản án sơ thẩm đã xử đúng pháp luật về phần nội dung. Những người kháng cáo không cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì mới chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là có căn cứ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm về phần nội dung giải quyết, sửa phần quan hệ pháp luật tranh chấp như đã phân tích tại mục [3].

[11]. Có cơ sở chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên bản án sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phầ nội dung giải quyết.

[12]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên bà Trương Thị Bạch Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo qui định của pháp luật.

Ông Võ Minh Đ thuộc trường hợp người cao tuổi, được xét miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 677 Bộ luật dân sự năm 1995, Điều 674 ; Điều 685 ; Điều 688 ; Điều 733 ; Điều 734; Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 149 và Điều 623 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4 Nghị quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; điểm a mục 3 Nghị Quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn - ông Võ Minh Đ và bị đơn – bà Trương Thị Bạch Y.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 15/2021/DS-ST ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Quyết định sữa chữa, bổ sung số 01/2022/QĐ-SCBSBA ngày 07/01/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Thuận về nội dung, sửa phần quan hệ pháp luật tranh chấp.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc công nhận quyền sử dụng đất; Chấp nhận một phần yêu cầu chia tài sản thừa kế là quyền sử dụng đất; Chấp nhận yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do nguyên đơn Võ Minh Đ khởi kiện.

2. Chia thừa kế theo pháp luật đối với quyền sử dụng thửa đất số 87, tờ bản đồ địa chính số 19, diện tích 9.488m^2 xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận ký ngày 09/11/2021 (Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Trương Thị Bạch Y số bìa BH 260480, số vào sổ cấp CH 00836 ngày 19/01/2012 là thửa đất số 87 tờ bản đồ số 19, Miếu Bà, Khánh Phước, Nhơn Hải, Ninh Hải, Ninh Thuận diện tích 9.488m^2).

2.1. Ông Võ Minh H được thừa kế, được tặng cho kỷ phần nên được quyền sử dụng tổng diện tích đất là 7.888m^2 đất được xác định bởi các điểm 8, 9, 10, 11, 17, 15 thuộc một phần thửa đất số 87, tờ bản đồ địa chính số 19 diện tích 9.488m^2 xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng đăng ký đất đai Ninh Thuận ký ngày 09/11/2021. Bà Trương Thị Bạch Y là người đang chiếm hữu, sử dụng thửa đất phải có nghĩa vụ giao trả cho ông Võ Minh H 7.888m^2 đất.

2.2. Bà Trương Thị Bạch Y được thừa kế, được tặng cho kỷ phần nên được quyền sử dụng tổng diện tích đất là 1.600m^2 đất được xác định bởi các điểm 1, 2, 3, 4, 6, 7, 8, 15, 17 thuộc một phần thửa đất số 87, tờ bản đồ địa chính số 19 diện tích 9.488m^2 xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận theo trích lục bản đồ địa chính của Văn phòng Đăng ký đất đai Ninh Thuận ký ngày 09/11/2021. Bà Trương Thị Bạch Y là người đang chiếm hữu, sử dụng thửa đất.

2 3. Bà Trương Thị Bạch Y phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Minh H số tiền chênh lệch chia thừa kế tài sản là 1.496.000đ (Một triệu bốn trăm chín mươi sáu ngàn đồng).

3. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện N cấp cho bà Trương Thị Bạch Y số bìa BH 260480, số vào sổ cấp CH 00836 ngày 19/01/2012 đối với thửa đất số 87 tờ bản đồ số 19, Miếu Bà, Khánh Phước, xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận diện tích 9.488m^2.

4 . Kiến nghị Ủy ban nhân dân huyện N thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho bà Nguyễn Thị S đối với thửa đất số 08 tờ bản đồ số 07 diện tích 4.280m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số bìa D 0776760, số vào sổ cấp 10518 QSDĐ ngày 31/12/1994.

5. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Võ Minh H phải chịu 29.300.800đ *(Hai mươi chín triệu ba trăm ngàn tám*

trăm đồng) án phí chia thừa kế.

- Bà Trương Thị Bạch Y phải chịu 6.325.200đ *(Sáu triệu ba trăm hai mươi lăm ngàn hai trăm đồng)* án phí chia thừa kế, được khấu trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0018982 ngày 08/9/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận, bà Trương Thị Bạch Y còn phải nộp 6.025.200đ án phí.

- Các đương sự không phải chịu án phí đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

6. Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng:

- Bà Trương Thị Bạch Y phải chịu 960.000đ và phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Minh Đ 960.000đ.

- Ông Võ Minh H phải chịu 4.730.000đ và phải có nghĩa vụ hoàn trả cho ông Võ Minh Đ vì ông Võ Minh Đ là người nộp tạm ứng chi phí.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

7. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Võ Minh Đ thuộc trường hợp không phải chịu án phí phúc thẩm.

- Bà Trương Thị Bạch Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí kháng cáo bà Trương Thị Bạch Y đã nộp theo biên lai thu số 0000451 ngày ngày 24/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận. Sau khi cấn trừ, bà Trương Thị Bạch Y đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
– Tòa án nhân dân tối cao (1);
– VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
– TAND tỉnh Ninh Thuận (1);
– VKSND tỉnh Ninh Thuận (1);
– Cục THADS tỉnh Ninh Thuận (1);
– Các đương sự;
– Lưu: hồ sơ (1),VP(3), 46b (PMT);

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ngọc Hoa